

Số: 09 /NQ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt Đề án vị trí việc làm tại Trường Đại học Nha Trang

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 66/NQ-ĐHNT ngày 20/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Căn cứ văn bản số 7583/BNV-TCCB ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 290/TTr-ĐHNT ngày 04/4/2024 về việc báo cáo, phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Nha Trang.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Nghị quyết này Đề án vị trí việc làm tại Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Giao Hiệu trưởng tổ chức tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo và bồi dưỡng viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c)
- Đảng ủy (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, TCNS, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NHA TRANG
Khổng Trung Thắng
*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM
GIAI ĐOẠN 2024 - 2026

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-ĐHNT ngày 06/4/2024
của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang*

Khánh Hòa, 2024

MỤC LỤC

Phần I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ...	3
I.1. Khái quát về Trường Đại học Nha Trang	3
I.2. Mục đích, yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm	4
I.3. Cơ sở pháp lý xây dựng đề án.....	6
Phần II. HIỆN TRẠNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRƯỜNG	9
II.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường	9
II.2. Thực trạng số lượng người làm việc của Trường (tháng 3/2024).....	11
II.3. Thực trạng bố trí việc làm tại các đơn vị.....	12
Phần III. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....	13
III.1. Phân nhóm vị trí việc làm	13
III.2. Xác định danh mục vị trí việc làm	15
III.3. Xác định số lượng người làm việc của từng nhóm	15
III.4. Xác định cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của từng đơn vị	16
Phần IV. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....	17
IV.1. Danh mục vị trí việc làm.....	17
IV.2. Số lượng vị trí việc làm.....	18
IV.3. Bản mô tả vị trí việc làm.....	18
IV.4. Xác định cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp	20
IV.5. Xác định cơ cấu số lượng khối giảng và khối hành chính.....	20
Phần V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	21
V.1. Triển khai thực hiện Đề án.....	21
V.2. Thực hiện chuyển tiếp	22
V.3. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung.....	22

ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Giai đoạn 2024 – 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHNT ngày 06/4/2024
của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang)*

Phần I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I.1. Khái quát về Trường Đại học Nha Trang

Trường Đại học Nha Trang là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập), có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định.

Chức năng, nhiệm vụ của Trường Đại học Nha Trang: Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo nhân lực trình độ cao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, trong đó lĩnh vực thủy sản là thế mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030 là trở thành đại học đa lĩnh vực; thuộc nhóm đầu các đại học ở khu vực Đông Nam Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Sứ mệnh của nhà trường là nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Với bề dày truyền thống là một trong các trường đầu tiên đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực thủy sản của cả nước, hiện nay Trường đã chuyển sang đào tạo đa ngành với 33 ngành trình độ đại học, 19 ngành trình độ thạc sĩ và 11 ngành trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, Trường còn tham gia thực hiện nhiều chương trình đào

tạo nghề, các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình trao đổi sinh viên... đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nguồn lực nhân sự cũng là một thế mạnh của Trường với trên 650 viên chức, người lao động, trong đó có 1 Giáo sư, 31 Phó Giáo sư; gần 170 Tiến sĩ; hơn 350 Thạc sĩ, hơn 40% cán bộ, giảng viên được đào tạo tại các nước phát triển.

Thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về việc quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, vào năm 2015, Trường Đại học Nha Trang đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm và gửi trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên Đề án chưa chính thức được phê duyệt. Mặc dù vậy, Nhà trường vẫn xem Đề án đã được xây dựng là cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp và sử dụng đội ngũ viên chức của Trường.

I.2. Mục đích, yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm

I.2.a) Mục đích xây dựng Đề án

Một là xác định nhu cầu về số lượng và cơ cấu viên chức, người lao động đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường, qua đó tạo tiền đề cho đơn vị phát triển ổn định và bền vững. Đây là cơ hội giúp các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường tiến hành rà soát lại tổ chức bộ máy, đội ngũ viên chức và xác định từng vị trí trong tổ chức gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Hai là giúp các đơn vị nắm rõ công việc của từng vị trí và tiến hành xác định nhu cầu về chất lượng, số lượng và cơ cấu hạng viên chức phù hợp với khối lượng và tính chất công việc, khắc phục tình trạng chồng chéo khi phân công, giao việc và tránh tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” nhân lực trong từng đơn vị nói riêng và trong toàn Trường nói chung.

Ba là giúp từng cá nhân nhận thức rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong đơn vị đang công tác và hiểu rõ hơn vai trò, vị trí khác trong Trường từ đó có thể chủ động và sẵn sàng thay đổi vị trí việc làm theo yêu cầu của Nhà trường, đơn vị hoặc của chính bản thân viên chức.

Bốn là Nhà trường rà soát, đánh giá nhu cầu hàng năm để giao số lượng người làm việc cho từng đơn vị trong Trường, từ đó có định hướng tuyển dụng, bố trí sử dụng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức nhằm phát huy tối đa tiềm

năng, thể mạnh của cá nhân; có kế hoạch thăng hạng viên chức phù hợp với cơ cấu, đồng thời ổn định và có kế hoạch sử dụng lâu dài đối với những người có năng lực, trình độ đáp ứng được nhu cầu của công việc.

Năm là làm cơ sở trả lương theo vị trí việc làm và trả phụ cấp tăng thêm theo hiệu quả công việc theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Sáu là cơ sở để Nhà trường xây dựng khung chương trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức phù hợp yêu cầu hoạt động của Nhà trường, đơn vị, phù hợp nguyện vọng của viên chức nhằm xây dựng đội ngũ viên chức đạt yêu cầu về chất lượng và số lượng đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và có bước đột phá của Nhà trường.

Bảy là giúp xác định các tiêu chí trọng yếu trong tuyển dụng viên chức, phù hợp từng vị trí làm việc, cải thiện quá trình tuyển chọn và tăng khả năng chọn đúng người cho vị trí tuyển dụng, tiếp cận thị trường nhân lực dồi dào hơn trên cơ sở các tiêu chí tuyển dụng vào các vị trí việc làm ngày càng trở nên minh bạch. Từ đó, có thể giảm chi phí phát sinh từ những quyết định tuyển dụng không có căn cứ; tạo dựng hình ảnh đội ngũ chuyên nghiệp, hiện đại cho Nhà trường và đơn vị.

1.2.b) Yêu cầu xây dựng Đề án

- Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm cần đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng và phù hợp các quy định của Pháp luật và thực tiễn của Nhà trường.

- Các vị trí việc làm cần được xây dựng với mức độ khái quát cao theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, có tính đến mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của công việc theo chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Phù hợp với cơ cấu giữa khối giảng dạy với khối hành chính, phục vụ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Tăng cường sử dụng viên chức kiêm nhiệm nhiều vị trí việc làm, hoặc tăng thêm khối lượng công việc phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm và bản mô tả công việc.

- Những vị trí việc làm có khối lượng công việc vượt định mức theo quy định nhưng không thường xuyên, hoặc quy mô đào tạo chưa dự đoán sẽ tăng trong

thời gian tới, xét thấy chưa đến mức phải tăng số lượng người làm việc thì áp dụng hình thức khoán làm việc ngoài giờ và chi trả thù lao làm việc ngoài giờ.

- Những vị trí việc làm chưa đủ khối lượng công việc để bố trí 01 người thì đơn vị không đề xuất tuyển dụng, sẽ thực hiện khoán việc cho viên chức, người lao động đang làm việc tại Trường thực hiện và trả thù lao hợp lý so với khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm và mức độ phức tạp của công việc.

I.3. Cơ sở pháp lý xây dựng đề án

Đề án được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của các Bộ

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

3. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được ban hành ngày 30/12/2019;

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; đã sửa đổi bằng Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023;

6. Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

7. Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022;

vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

18. Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giáo dục;

19. Thông tư số 16/2023/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ;

20. Thông tư số 54/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính;

21. Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

22. Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

23. Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Đề án còn căn cứ các văn bản quy định của Trường Đại học Nha Trang có liên quan đến việc xây dựng vị trí việc làm:

24. Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

25. Nghị quyết số 38/NQ-ĐHNT ngày 15/9/2022 của Hội đồng trường phê duyệt phương hướng mở ngành đào tạo năm năm 2025;

26. Nghị quyết số 09/NQ-ĐHNT ngày 22/2/2022 của Hội đồng trường về kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2021-2025 về công tác đào tạo;

8. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022;

9. Thông tư số 29/2022/TT-BTC quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

10. Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

11. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ, đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 14/2022/TT-BKHHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường;

12. Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

13. Thông tư số 41/2021/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

14. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

15. Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

16. Thông tư số 04/2024/TT-BGDĐT ngày 29/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học và các trường cao đẳng sư phạm công lập;

17. Thông tư số 12/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ: Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục

27. Nghị quyết số 04/NQ-ĐHNT ngày 16/01/2023 của Hội đồng trường ban hành Đề án thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2021-2025 về công tác phát triển đội ngũ;

28. Quyết định số 500/QĐ-ĐHNT ngày 29/4/2022 của Hiệu trưởng Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang;

29. Quyết định số 859/QĐ-ĐHNT ngày 22/7/2022 của Hiệu trưởng Quy định tạm thời về khung số lượng cấp phó của đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang.

Phần II

HIỆN TRẠNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRƯỜNG

II.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2012 (đã sửa đổi năm 2018) và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang do Hội đồng trường ban hành theo Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021, theo đó thì cơ cấu tổ chức của Trường được phân thành 2 cấp: cấp Trường và cấp đơn vị.

Cơ cấu tổ chức cụ thể của Trường gồm:

- Cấp trường: gồm Hội đồng trường; Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng
- Cấp đơn vị: hiện tại Trường Đại học Nha Trang có 36 đơn vị thuộc và trực thuộc, trong đó có 16 đơn vị khối quản lý, tham mưu, phục vụ, 15 đơn vị khối đào tạo, và 5 đơn vị trực thuộc là các đơn vị nghiên cứu, dịch vụ.

Các đơn vị thuộc khối quản lý, tham mưu, phục vụ gồm:

1. Văn phòng Trường
2. Phòng Tổ chức - Nhân sự
3. Phòng Thanh tra - Pháp chế
4. Phòng Đào tạo đại học

5. Phòng Đào tạo Sau đại học
6. Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
7. Phòng Khoa học và Công nghệ
8. Phòng Kế hoạch - Tài chính
9. Phòng Hợp tác quốc tế
10. Phòng Công tác chính trị và Sinh viên
11. Phòng Công nghệ thông tin
12. Trung tâm Hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp
13. Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng
14. Trung tâm Thí nghiệm Thực hành
15. Trung tâm Phục vụ trường học
16. Thư viện

Các đơn vị thuộc khối đào tạo gồm:

17. Khoa Cơ khí
18. Khoa Kỹ thuật Giao thông
19. Khoa Công nghệ Thực phẩm
20. Khoa Công nghệ Thông tin
21. Khoa Điện - Điện tử
22. Khoa Xây dựng
23. Khoa Kinh tế
24. Khoa Du lịch
25. Khoa Kế toán - Tài chính
26. Khoa Ngoại ngữ
27. Khoa Khoa học xã hội và nhân văn
28. Viện Nuôi trồng thủy sản
29. Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường

30. Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản

31. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh

Các đơn vị trực thuộc Trường, khối nghiên cứu và dịch vụ gồm:

32. Trung tâm Ngoại ngữ

33. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ phần mềm

34. Viện Nghiên cứu chế tạo Tàu thủy

35. Trung tâm Nghiên cứu giống và dịch bệnh thủy sản

36. Trung tâm Nghiên cứu và chế biến thực phẩm

II.2. Thực trạng số lượng người làm việc của Trường (tháng 3/2024)

Năm 2023 Trường được chỉ tiêu số lượng người làm việc là 642 người (theo công văn số 4020/BGDĐT-TCCB ngày 08/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tính đến thời điểm ngày 31/3/2024 Trường Đại học Nha Trang có tổng số 568 viên chức và 79 người hợp đồng lao động.

Trong tổng số 568 viên chức có 4 viên chức tại các vị trí việc làm yêu cầu trình độ từ trung cấp trở xuống (đã được tuyển dụng trước năm 2002. Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2023 cần bổ sung là 54 người. Đợt thi tuyển viên chức năm 2023 (có kết quả tuyển dụng vào tháng 3/2024) Trường tuyển bổ sung được 28 viên chức, còn 26 chỉ tiêu chưa tuyển được. Số chỉ tiêu chưa tuyển được sẽ tiếp tục được tuyển dụng hoặc Hiệu trưởng sẽ xem xét ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, để đảm bảo đủ số người làm việc đã được Hội đồng trường phê duyệt bổ sung năm 2023 (theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHNT ngày 31/10/2023 của Hội đồng trường).

Trong tổng số 79 người hợp đồng lao động có 11 người đã trúng tuyển viên chức, 25 người hợp đồng làm công việc phục vụ tại các giảng đường ký túc xá và vệ sinh môi trường, trước đây là hợp đồng dịch vụ và được chuyển sang hợp đồng lao động từ tháng 9/2023.

Trong thời gian qua, mặc dù yêu cầu công việc ngày càng cao và khối lượng công tác ngày càng lớn, Nhà trường vẫn luôn kiên trì thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo nâng cao trình độ, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Do đó chưa sử dụng tối đa số lượng người làm việc theo phê duyệt của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, việc tuyển dụng viên chức cũng gặp nhiều khó khăn, nhiều năm liền việc tuyển dụng viên chức không đạt chỉ tiêu đề ra, nhất là đối với viên chức ở vị trí giảng viên ở một số chuyên ngành đặc thù khó tuyển.

Mặt khác để tận dụng nguồn lực, hiện có 26 viên chức giảng dạy được điều động làm việc tại các vị trí khối hành chính, số viên chức này vừa phải hoàn thành chức trách nhiệm vụ theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ, vừa phải tham gia giảng dạy để đảm bảo quy mô đào tạo và chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy.

Hiện nay, Trường vẫn đang thực hiện quản lý số lượng người làm việc thống nhất trong toàn Trường, chưa phân giao chỉ tiêu cụ thể cho từng đơn vị. Điều này là do đặc điểm đa ngành, đa lĩnh vực nên việc quản lý và sử dụng chung sẽ mang lại nhiều hiệu quả.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, Nhà trường cần thiết phải giao số lượng người làm việc đến từng đơn vị thuộc Trường để tăng cường trách nhiệm, phân cấp quản lý nhằm thực hiện việc quản lý mang tính chuyên môn sâu và thiết thực hơn. Do vậy, trong thời gian tới, Đề án Vị trí việc làm này sẽ là cơ sở quan trọng để Hiệu trưởng phân giao số lượng người làm việc đến từng đơn vị, đồng thời, đơn vị phải căn cứ vào Đề án Vị trí việc làm để phân công, sử dụng hiệu quả nguồn nhân sự tại đơn vị mình.

II.3. Thực trạng bố trí việc làm tại các đơn vị

Các viên chức của trường được tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo đúng các quy định hiện hành. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại tình trạng ở một số vị trí việc làm viên chức phải làm việc ở mức độ yêu cầu cao hơn chức danh nghề nghiệp hiện giữ, và cũng có những vị trí viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng cao nhưng chưa được phân công thực hiện nhiệm vụ theo đúng hạng chức danh nghề nghiệp.

Có tình trạng này một phần là do hiện còn có một số quy định về tiêu chuẩn đã hạn chế viên chức thăng hạng, một phần do sự "quen việc" nên Trường chưa có sự điều động kịp thời sau khi viên chức thăng hạng.

Do vậy, Đề án vị trí việc làm sẽ hướng đến việc điều chỉnh cơ cấu chức danh nghề nghiệp phù hợp, mô tả công việc thể hiện đầy đủ việc đánh giá năng lực để làm cơ sở cho việc sắp xếp nhân sự tại các đơn vị, phù hợp với chức trách nhiệm vụ và viên chức, người lao động sẽ được chi trả lương phù hợp với công việc đang đảm nhận.

Phần III

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng; là căn cứ để xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị.

III.1. Phân nhóm vị trí việc làm

III.1.1. Phân nhóm theo chức danh công việc

Căn cứ tính chất công việc, căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, các vị trí việc làm tại Trường Đại học Nha Trang sẽ phân thành 5 nhóm:

Nhóm 1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: gồm các vị trí việc làm lãnh đạo quản lý ở 2 cấp:

- Lãnh đạo quản lý cấp trường: gồm Chủ tịch Hội đồng trường và Ban Giám hiệu (gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng)

- Lãnh đạo quản lý cấp đơn vị: gồm trưởng và phó các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo quản lý tại Phụ lục I.1.

Nhóm 2. Nhóm vị trí việc làm chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu: gồm các vị trí việc làm liên quan đến giảng dạy và nghiên cứu viên, cụ thể:

- Giảng dạy: Giảng viên cao cấp, Giảng viên chính, Giảng viên, Trợ giảng
- Nghiên cứu: Nghiên cứu viên chính và Nghiên cứu viên.

Danh mục vị trí việc làm chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu được liệt kê tại Phụ lục I.2.

Nhóm 3. Vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung: gồm các vị trí việc làm được xác định bởi chức danh nghề nghiệp yêu cầu từ trình độ cao đẳng trở lên (không bao gồm các chức danh giảng dạy và nghiên cứu tại mục 2 ở trên).

Danh mục vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung được liệt kê tại Phụ lục I.3.

Nhóm 4. Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: gồm các vị trí việc làm được xác định bởi chức danh nghề nghiệp yêu cầu từ trình độ trung cấp trở xuống hoặc không yêu cầu trình độ đào tạo.

Nhóm 5. Vị trí việc làm kiêm nhiệm: gồm các công việc cụ thể được giao cho viên chức kiêm nhiệm, không làm phát sinh số lượng người làm việc.

Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ được liệt kê tại Phụ lục I.4.

III.1.2. Phân nhóm vị trí việc làm theo hình thức tuyển dụng

Căn cứ hình thức tuyển dụng, chia 2 nhóm:

- Các vị trí việc làm phải qua tuyển dụng viên chức và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp: gồm các vị trí việc làm thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 ở mục IV.1 nói trên. Các vị trí việc làm này phải thực hiện thông qua quy trình tuyển dụng viên chức, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm chức vụ. Người được tuyển dụng làm việc theo hợp đồng làm việc và theo Luật Viên chức. Căn cứ số lượng và cơ cấu tại Phụ lục II.3 và Phụ lục II.4, Nhà trường sẽ tổ chức tuyển dụng và xét thăng hạng hàng năm cho đủ số lượng. Việc xếp lương và các chế độ áp dụng theo các quy định đối với viên chức.

- Các vị trí việc làm không qua tuyển dụng viên chức và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, tuyển theo hình thức hợp đồng lao động: gồm các vị trí việc làm thuộc nhóm 4 ở mục IV.1 nói trên. Các vị trí việc làm này được ký hợp đồng lao động theo Bộ luật lao động hiện hành, được hưởng lương và các chế độ theo hợp đồng lao động.

Trong phạm vi Đề án này, việc phân nhóm vị trí việc làm sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, tức là sẽ chia thành 5 nhóm như trình bày tại mục IV.1.

Việc phân nhóm theo hình thức tuyển dụng để xác định viên chức hay người lao động, để thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến người làm việc.

III.2. Xác định danh mục vị trí việc làm

Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, nó là căn cứ để xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị.

Tại Trường Đại học Nha Trang, vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí được thực hiện trên cơ sở xác định tính chất công việc đi kèm với các việc đánh giá kết quả thực hiện và yêu cầu các cấp độ kỹ năng. Toàn bộ nội dung của từng vị trí việc làm sẽ được và mô tả mang tính đặc thù.

Hiện nay, Trường đang thực hiện chủ trương kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng xây dựng mô hình quản trị đại học thông minh, nên vị trí việc làm và số lượng người làm việc sẽ được định hướng phục vụ mục tiêu này. Do đó, mỗi vị trí việc làm từ chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành đến chuyên môn dùng chung và cả nhóm hỗ trợ, phục vụ đều có yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và tin học.

Ngoài ra, hiện nay, qua báo cáo, thống kê và quan sát thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao, vẫn còn tình trạng vừa thừa, vừa thiếu người làm việc ở một số đơn vị trong Trường. Tình trạng này xảy ra là do việc mô tả vị trí việc làm chưa thật sự rõ ràng, phù hợp và chính xác, bên cạnh đó, vẫn còn có đơn vị chưa phân công công tác hợp lý dẫn đến một số vị trí thiếu người và một số vị trí lại thừa người.

Từ những phân tích trên, việc xác định vị trí việc làm là cơ sở quan trọng để Nhà trường và đơn vị có thể bố trí, sử dụng đội ngũ viên chức hiệu quả hơn và công bằng hơn. Từ đó, Nhà trường xây dựng Danh mục Vị trí việc làm, Khung năng lực vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm.

III.3. Xác định số lượng người làm việc của từng nhóm

Việc xác định số lượng người làm việc của từng đơn vị được thực hiện dựa trên việc xác định khối lượng công việc cụ thể.

Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo quản lý (nhóm 1): Số lượng lãnh đạo tại các đơn vị dựa trên nguyên tắc: mỗi đơn vị có 1 vị trí trưởng đơn vị (trừ Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh do Hiệu trưởng kiêm nhiệm), số cấp phó thực hiện theo quy định tại Quyết định số 859/QĐ-ĐHNT ngày 22/7/2022 của Hiệu trưởng quy định tạm thời về số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang.

Nhóm vị trí việc làm chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu (nhóm 2, gọi chung là khối giảng dạy): Số lượng người làm việc nhóm 2 theo từng đơn vị được tính toán dựa trên số liệu thống kê về khối lượng giảng dạy và quy mô đào tạo của 3 năm gần đây (từ năm học 2020-2021 đến nay). Đối với các đơn vị có quy mô đào tạo thấp thì tăng cường công tác nghiên cứu khoa học thông qua số lượng nghiên cứu viên.

Nhóm vị trí việc làm chuyên môn dùng chung (nhóm 3) và nhóm hỗ trợ, phục vụ (nhóm 4), gọi chung là khối hành chính: căn cứ quyết định số 500/QĐ-ĐHNT ngày 29/4/2022 của Hiệu trưởng Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, mỗi đơn vị sẽ liệt kê từng đầu công việc và lượng hóa thời gian thực hiện, từ đó tính ra số lượng người làm việc tương ứng.

Tuy nhiên tổng số người làm việc không được phép vượt quá chỉ tiêu Bộ giao hàng năm, vì vậy có sự cân đối để đảm bảo quy mô như hiện tại, không tăng quá nhiều dẫn đến các khó khăn kèm theo như quỹ lương, sắp xếp công việc đảm bảo viên chức và người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ quyền lợi.

Bên cạnh đó việc xác định số lượng làm việc cần phải dự tính đến sự phát triển quy mô đào tạo của từng ngành và sự biến động của nhu cầu xã hội đối với các ngành nghề đào tạo của Trường, nhằm tránh việc tăng số lượng ở những thời điểm nhất định khi không có đủ đảm bảo sự bền vững của quy mô đào tạo.

III.4. Xác định cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của từng đơn vị

Trong Trường Đại học Nha Trang có 5 hạng chức danh nghề nghiệp:

- Hạng I: Giảng viên cao cấp.
- Hạng II: Giảng viên chính, Chuyên viên chính, Nghiên cứu viên chính, Kỹ sư chính, Kế toán viên chính.

- Hạng III: Giảng viên, Trợ giảng, Chuyên viên, Nghiên cứu viên, Kỹ sư, Kế toán viên, Thư viện viên, Văn thư viên.

- Hạng IV: Cán sự, Kỹ thuật viên, Thư viện viên trung cấp, Y sĩ, và các chức danh khác yêu cầu trình độ đào tạo Trung cấp.

- Hạng V: Nhân viên

Việc xác định cơ cấu hạng chức danh trong toàn Trường và tại các đơn vị khối giảng dạy thực hiện theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Theo công văn này thì tỷ lệ hạng I không quá 10%, hạng II không quá 50%, còn lại là các hạng III, IV và V.

Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp tại các đơn vị khối hành chính: không có hạng I (trừ trường hợp Giảng viên cao cấp được điều động kiêm nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo tại đơn vị hành chính), việc xác định hạng II dựa vào tính chất và mức độ phức tạp, công việc có tính tham mưu cao về một lĩnh vực, chuyên trách xây dựng văn bản và yêu cầu kỹ năng triển khai tổ chức thực hiện ở mức 3-4 trong thang kỹ năng. Các công việc đơn thuần triển khai nghiệp vụ chuyên môn dành cho hạng III.

Phần IV

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

IV.1. Danh mục vị trí việc làm

Trên cơ sở phân nhóm công việc và xác định mức độ, tính chất của từng loại công việc, Nhà trường xây dựng Danh mục vị trí việc làm, mỗi vị trí việc làm gắn với một nội dung chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể và đã xác định chức danh nghề nghiệp và hạng chức danh nghề nghiệp gắn với từng vị trí việc làm. Qua đó, Danh mục vị trí việc làm trình bày tại các phụ lục I đính kèm.

Phụ lục I gồm có 5 biểu bảng:

Phụ lục I.1: Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo quản lý

Phụ lục I.2: Danh mục vị trí việc làm chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu

Phụ lục I.3: Danh mục vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ (viên chức khối hành chính)

Phụ lục I.4: Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (hợp đồng lao động)

Phụ lục I.5: Danh mục vị trí việc làm kiêm nhiệm

IV.2. Số lượng vị trí việc làm

Tính đến ngày 31/12/2026, toàn Trường có 702 người làm việc.

Số lượng vị trí việc làm và cơ cấu vị trí việc làm theo hạng chức danh nghề nghiệp được xác định theo từng đơn vị, trình bày tại Phụ lục II đính kèm (gồm có 5 biểu bảng).

Số lượng vị trí việc làm lãnh đạo quản lý: gồm 05 vị trí lãnh đạo cấp Trường và 77 vị trí lãnh đạo cấp đơn vị thuộc và trực thuộc trường, số lượng cụ thể tại Phụ lục II.1.

Cơ cấu vị trí việc làm theo hạng chức danh nghề nghiệp thể hiện tại Phụ lục II.2.

Số lượng vị trí việc làm chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu (nhóm 3, Khối giảng dạy): gồm 475 người, chi tiết được thể hiện tại Phụ lục II.3.

Số lượng vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ và phục vụ (Khối hành chính): gồm 227 người, chi tiết tại Phụ lục II.4A và Phụ lục II.4B.

Các vị trí việc làm kiêm nhiệm (nhóm 5) không phát sinh số lượng ngoài làm việc.

IV.3. Bản mô tả vị trí việc làm

Mỗi vị trí việc làm trong danh mục vị trí việc làm sẽ được quy định cụ thể bởi 1 bản mô tả vị trí việc làm tương ứng.

Bản mô tả vị trí việc làm gồm 5 nội dung:

1. Mục tiêu của vị trí việc làm
2. Nội dung công việc và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc
3. Các mối quan hệ công việc (bên trong và bên ngoài)
4. Phạm vi quyền hạn
5. Các yêu cầu về trình độ và năng lực

Các bản mô tả vị trí việc làm đính kèm tại phụ lục III, bao gồm:

IV.3.1. Mô tả vị trí việc làm lãnh đạo quản lý

- Mô tả vị trí việc làm của Chủ tịch Hội đồng trường
- Mô tả vị trí việc làm của Hiệu trưởng
- Mô tả vị trí việc làm của các Phó Hiệu trưởng (mỗi vị trí Phó Hiệu trưởng có 1 bản mô tả riêng theo nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công)
- Mô tả vị trí việc làm của các Trưởng Khoa/Viện đào tạo (tất cả các Trưởng Khoa dùng chung 1 bản mô tả vì chức trách nhiệm vụ giống nhau)
- Mô tả vị trí việc làm của các Phó Khoa/Viện đào tạo (mỗi vị trí Phó Khoa/Viện có 1 bản mô tả riêng theo nhiệm vụ được phân công)
- Mô tả vị trí việc làm của Trưởng Phòng (mỗi Trưởng Phòng có 1 bản mô tả riêng vì tiêu chuẩn, chức trách nhiệm vụ khác nhau)
- Mô tả vị trí việc làm của các Phó Trưởng Phòng (mỗi vị trí Phó Trưởng Phòng có 1 bản mô tả riêng theo nhiệm vụ được phân công)
- Mô tả vị trí việc làm của Giám đốc Trung tâm thuộc Trường (mỗi vị trí Giám đốc Trung tâm có 1 bản mô tả riêng)
- Mô tả vị trí việc làm của Phó Giám đốc Trung tâm thuộc Trường (mỗi vị trí Phó Giám đốc Trung tâm có 1 bản mô tả riêng)
- Mô tả vị trí việc làm của Giám đốc Viện/Trung tâm trực thuộc Trường (mỗi vị trí Giám đốc Viện/Trung tâm có 1 bản mô tả riêng)

IV.3.2. Mô tả vị trí việc làm chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu

- Mô tả vị trí việc làm của Giảng viên cao cấp
- Mô tả vị trí việc làm của Giảng viên chính
- Mô tả vị trí việc làm của Giảng viên
- Mô tả vị trí việc làm của Trợ giảng
- Mô tả vị trí việc làm của Nghiên cứu viên chính
- Mô tả vị trí việc làm của Nghiên cứu viên

IV.3.3. Mô tả vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung

Mỗi vị trí việc làm tại các đơn vị khối hành chính có 1 bản mô tả riêng.

Các vị trí việc làm có chức năng giống nhau, yêu cầu về trình độ đào tạo và các kỹ năng nghiệp vụ như nhau trong cùng 1 đơn vị được sử dụng chung 1 bản mô tả công việc.

IV.3.4. Mô tả vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

Các vị trí việc làm có chức năng giống nhau, các yêu cầu và các kỹ năng nghiệp vụ như nhau trong cùng 1 đơn vị được sử dụng chung 1 bản mô tả công việc. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Hiệu trưởng ủy quyền

IV.4. Xác định cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp

Căn cứ công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ nhu cầu thực tế của Trường, đặc biệt căn cứ vào số lượng ngành nghề đào tạo ở bậc đại học, sau đại học và quy định hiện hành về mở ngành đào tạo và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tính đến 31/12/2026 như sau:

IV.4.1. Đối với chức danh khối giảng dạy và nghiên cứu

STT	Chức danh nghề nghiệp	Hạng	Tỷ lệ
1	Giảng viên cao cấp	I	10%
2	Giảng viên chính, Nghiên cứu viên chính	II	35%
3	Giảng viên, Trợ giảng, Nghiên cứu viên	III	55%

Ghi chú: Tỷ lệ (%) tính trên tổng số giảng viên

IV.4.2. Đối với các chức danh khối hành chính:

STT	Chức danh nghề nghiệp	Hạng	Tỷ lệ
1	Chuyên viên chính, Kỹ sư chính	II	20%
2	Chuyên viên và các chức danh tương đương	III	50%
3	Các chức danh còn lại	IV và V	30%

Ghi chú: Tỷ lệ (%) được tính trên tổng số viên chức và người lao động khối hành chính.

IV.5. Xác định cơ cấu số lượng khối giảng và khối hành chính

Căn cứ nhu cầu thực tế của Trường và các quy định về tỷ lệ khối phục vụ so với khối chuyên môn nghiệp vụ, Nhà trường xác định cơ cấu viên chức theo 2 khối công việc tính đến 31/12/2026 như sau:

STT	Khối công việc	Tỷ lệ
1	Khối giảng dạy	75%
2	Khối hành chính	25%

Ghi chú: Tỷ lệ (%) được tính trên tổng số viên chức và người lao động của Trường, trong đó số viên chức giữ các chức danh giảng dạy và nghiên cứu làm việc tại khối hành chính sẽ được tính vào số lượng khối giảng dạy.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

V.1. Triển khai thực hiện Đề án

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện Đề án. Tiến hành giao số lượng người làm việc cho từng đơn vị năm 2024 và các năm tiếp theo, đảm bảo không vượt tổng số người làm việc được Bộ GD&ĐT giao cho Trường. Tổ chức tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm, cơ cấu số lượng, tiêu chuẩn tối thiểu chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với từng vị trí việc làm được phê duyệt.

2. Hội đồng trường ủy quyền cho Hiệu trưởng:

- Phê duyệt các bản mô tả vị trí việc làm không thuộc nhóm chức danh lãnh đạo, quản lý (nhóm 2, nhóm 3 và nhóm 4);

- Tổ chức xây dựng và mô tả vị trí việc làm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư làm cơ sở cho việc quy hoạch, bổ sung đội ngũ viên chức có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu mở ngành, duy trì các ngành đào tạo Sau đại học, nâng tầm hoạt động khoa học công nghệ của Trường;

- Mô tả vị trí việc làm cho các chức danh kiêm nhiệm như Thư ký Hội đồng trường, Tổng biên tập tạp chí khoa học công nghệ thủy sản, các chức danh trong Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường và các Hội đồng tư vấn khác, để đảm bảo mọi hoạt động của Nhà trường mà không làm phát sinh số lượng người làm việc.

3. Các đơn vị căn cứ vào chỉ tiêu đã được giao, cùng với yêu cầu khung năng lực vị trí việc làm, đề xuất kế hoạch tuyển dụng cho năm 2024 và các năm tiếp theo.

Đồng thời, các trưởng đơn vị căn cứ vào bản mô tả vị trí việc làm và yêu cầu về số lượng người làm việc tại từng vị trí, xây dựng phương án phân công, sử dụng viên chức tại đơn vị theo nguyên tắc đã được phê duyệt. Đối với những đơn vị có số người làm việc thực tế chưa đủ số lượng được giao, trưởng đơn vị đề xuất kế hoạch chi trả thù lao làm việc ngoài giờ để đảm bảo công việc thông suốt.

4. Viên chức, người lao động của Trường căn cứ Đề án này và kế hoạch của Hiệu trưởng, phương án phân công, sử dụng viên chức, người lao động tại đơn vị để lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được giao, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp vị trí việc làm đảm nhận.

V.2. Thực hiện chuyển tiếp

Đối với viên chức, người lao động của Trường được tuyển dụng, sử dụng, quản lý trước ngày Đề án này được phê duyệt nhưng chưa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của vị trí việc làm đang đảm nhận, được tiếp tục thực hiện công việc đang đảm nhận, có kế hoạch đăng ký đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Sau 02 năm kể từ ngày Đề án này có hiệu lực, nếu vẫn không đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn của vị trí việc làm đang đảm nhận thì sẽ phải điều chuyển công việc khác phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn hoặc thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

V.3. Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung

Định kỳ vào tháng 10 hàng năm, Phòng Tổ chức - Nhân sự tham mưu Hiệu trưởng triển khai rà soát, báo cáo Hội đồng trường quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục vị trí việc làm, Khung năng lực vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong năm tiếp theo.

Việc định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung phải hoàn thành và trình Hội đồng trường trong phiên họp cuối mỗi năm./.

PHỤ LỤC I - DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Danh mục các phụ lục:

Phụ lục I.1 DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

Phụ lục I.2 DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN NGÀNH (viên chức giảng dạy, nghiên cứu)

Phụ lục I.3 DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ (viên chức hành chính)

Phụ lục I.4 DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (hợp đồng lao động)

Phụ lục I.5 DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM KIÊM NHIỆM

PHỤ LỤC I.1

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

STT	Tên Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh NN	Hạng CDNN (tối thiểu)	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)				
					Trình độ đào tạo	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN
A	VTVL lãnh đạo, quản lý cấp Trường								
A01	Chủ tịch Hội đồng Trường	01		II	Tiến sĩ	Cao cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Vụ	Đối tượng 2
A02	Hiệu trưởng	01		II	Tiến sĩ	Cao cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Vụ	Đối tượng 2
A03	Phó hiệu trưởng	03		II	Tiến sĩ	Cao cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Vụ	Đối tượng 2
B	VTVL lãnh đạo, quản lý cấp Trường đơn vị thuộc, trực thuộc Trường								
B01	Chánh văn phòng Trường	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B02	Trưởng Phòng Tổ chức - Nhân sự	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B03	Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B04	Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B05	Trưởng Phòng Đào tạo đại học	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B06	Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B07	Trưởng Phòng Khoa học & Công nghệ	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B08	Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B09	Trưởng Phòng Công tác chính trị & Sinh viên	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3

STT	Tên Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh NN	Hạng CDNN (tối thiểu)	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)				
					Trình độ đào tạo	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN
B10	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B11	Trưởng Phòng Công nghệ thông tin	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B12	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B13	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B14	Giám đốc Thư viện	01	GV/CV	III	Đại học	Trung cấp	Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B15	Trưởng Khoa Điện - Điện tử	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B16	Trưởng Khoa Cơ khí	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B17	Trưởng Khoa Kỹ thuật giao thông	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B18	Trưởng Khoa Xây dựng	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B19	Trưởng Khoa Công nghệ thực phẩm	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B20	Trưởng Khoa Kinh tế	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B21	Trưởng Khoa Du lịch	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B22	Trưởng Khoa Kế toán - Tài chính	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B23	Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B24	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 5 (C1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3

STT	Tên Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh NN	Hạng CDNN (tối thiểu)	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)				
					Trình độ đào tạo	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN
B25	Trưởng Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B26	Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học và Môi trường	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B27	Viện trưởng Viện Nuôi trồng thủy sản	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B28	Viện trưởng Viện KH & CN Khai thác thủy sản	01	GV	II	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B29	Giám đốc Trung tâm GD Quốc phòng & An ninh	Hiệu trưởng kiêm nhiệm (theo quy định tại Thông tư LT 123)							
B30	Giám đốc Trung tâm Thí nghiệm thực hành	01	GV/CV	III	Tiến sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B31	Giám đốc Trung tâm Phục vụ trường học	01	GV/CV	III	Đại học	Trung cấp	Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B32	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B33	Giám đốc Trung tâm NC&PT CN Phần mềm	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B34	Giám đốc Trung tâm NC Giống & Dịch Bệnh TS	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B35	Giám đốc Trung tâm NC và Chế biến thực phẩm	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
B36	Giám đốc Viện NC Chế tạo tàu thủy	01	GV/CV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C. VỊ TRÍ VIỆC LÀM, QUẢN LÝ CẤP PHÒNG ĐƠN VỊ THUỘC TRỰC THUỘC TRƯỜNG									
C01	Phó Chánh văn phòng	02	GV/CV	III	Đại học	Trung cấp	Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C02	Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Nhân sự	02	GV/CV	III	Đại học	Trung cấp	Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3

STT	Tên Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh NN	Hạng CDNN (tối thiểu)	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)				
					Trình độ đào tạo	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN
C03	Phó Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	01	GV/CV	III	Đại học	Trung cấp	Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C04	Phó Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí	01	GV/CV	II	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C05	Phó Trưởng Phòng Đào tạo đại học	02	GV/CV	II	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C06	Phó Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học	01	GV/CV	II	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C07	Phó Trưởng Phòng Khoa học & Công nghệ	01	GV/CV	II	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C08	Phó Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế	01	GV/CV	II	Đại học	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C09	Phó Trưởng Phòng Công tác chính trị & Sinh viên	01	GV/CV	III	Đại học	Trung cấp	Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C10	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C11	Phó Trưởng Phòng Công nghệ thông tin	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C12	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C13	Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C14	Phó Giám đốc Thư viện	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C15	Phó Trưởng Khoa Điện - Điện tử	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C16	Phó Trưởng Khoa Cơ khí	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C17	Phó Trưởng Khoa Kỹ thuật giao thông	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3

PHỤ LỤC I.5

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM KIỂM NGHIỆM

STT	Tên Vị trí việc làm	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)					Ghi chú
		Trình độ chuyên môn	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ (theo vị trí kiểm nghiệm)	Chứng chỉ QP-AN	
E01	Chủ tịch Hội đồng Khoa học đào tạo	Tiến sĩ					Phù hợp Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Nha Trang
E02	Tổng biên tập Tạp chí KHCN Thủy sản	Tiến sĩ	Cao cấp		Chứng chỉ quản lý Nhà nước về báo chí		Đáp ứng yêu cầu của Luật Báo chí; Quy định số 101-QĐ/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ban Bí thư quy định trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí
E03	Phó tổng biên tập Tạp chí KHCN Thủy sản	Tiến sĩ	Trung cấp		Chứng chỉ quản lý Nhà nước về báo chí		
E04	Thư ký Hội đồng Trường	Thạc sĩ	Trung cấp		Quản lý cấp Khoa, Phòng	đối tượng 3	Thành viên Hội đồng trường
E05	Trưởng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng của Trường	Đại học					Đáp ứng quy định của pháp luật đối với vị trí Trưởng Ban quản lý dự án
E06	Trưởng Bộ môn (Bộ môn thuộc Khoa/Viện)	Tiến sĩ			Theo chức danh nghề nghiệp		Có CDNN giảng viên; Có kinh nghiệm giảng dạy, NCKH và năng lực quản lý chuyên môn.
E07	Phó Trưởng Bộ môn (thuộc Khoa/Viện)	Thạc sĩ			Theo chức danh nghề nghiệp		Có CDNN giảng viên; Có kinh nghiệm giảng dạy, NCKH.
E08	Tổ trưởng (Tổ thuộc Phòng/Trung tâm)	Đại học			Theo chức danh nghề nghiệp		Có năng lực quản lý công việc
E09	Các công việc kiểm nghiệm khác: Trưởng Ban chế độ; Trưởng ban quản lý dự án quốc tế; trưởng các ban, hội đồng tư vấn cho Nhà trường; chủ tịch Hội đồng khoa...						Theo yêu cầu của công việc và các quy chế, quy định của Nhà trường.

STT	Đơn vị	Số lượng cần có đến 31/12/2026 theo hạng chức danh nghề nghiệp					Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng) theo hạng chức danh nghề nghiệp						Ghi chú		
		Tổng	I	II	III	IV	V	Tổng	I	II	III	Chi tiêu TD 2023		IV	V
29	Trung tâm GD Quốc phòng & AN	20		04	14		02	18		02	13	01		02	Không tính số lượng SQBP
30	Trung tâm Thí nghiệm thực hành	23		02	20	01		22	01		12	01	06	02	
31	Trung tâm Phục vụ trường học	65		02	05	08	50	62		02	05		05	50	
32	Trung tâm Ngoại ngữ	01			01			01			01				
33	Trung tâm NC&PT CN Phần mềm	01			01			01			01				
34	Trung tâm NC Giống & DBTS	01			01										
35	Trung tâm NC và Chế biến TP	01			01			01			01				
36	Viện NC Chế tạo tàu thủy	08		03	05			08			08				
	Tổng số vị trí việc làm	702	42	200	374	31	55	689	33	77	450	42	28	59	

STT	Tên Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh NN	Hạng CDNN (tối thiểu)	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)				
					Trình độ đào tạo	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN
C18	Phó Trưởng Khoa Xây dựng	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C19	Phó Trưởng Khoa Công nghệ thực phẩm	02	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C20	Phó Trưởng Khoa Kinh tế	02	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C21	Phó Trưởng Khoa Du lịch	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C22	Phó Trưởng Khoa Kế toán - Tài chính	02	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C23	Phó Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C24	Phó Trưởng Khoa Ngoại ngữ	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C25	Phó Trưởng Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C26	Phó Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học và Môi trường	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C27	Phó Viện trưởng Viện Nuôi trồng thủy sản	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C28	Phó Viện trưởng Viện KH & CN Khai thác thủy sản	01	GV	III	Thạc sĩ/ Tiến sĩ (*)	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C29	Phó Giám đốc Trung tâm GD Quốc phòng & An ninh	01	GV	III	Thạc sĩ	Trung cấp	Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C30	Phó Giám đốc Trung tâm Thí nghiệm thực hành	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C31	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ trường học	01	GV/CV	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3
C32	Phó Giám đốc Viện NC Chế tạo tàu thủy	02	GV/CV	III	Thạc sĩ		Bậc 4 (B2)	QLNN cấp Khoa, Phòng	Đối tượng 3

STT	Tên Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh NN	Hạng CDNN (tối thiểu)	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)				
					Trình độ đào tạo	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN

Ghi chú: chức danh nghề nghiệp viết tắt: GV: các chức danh nghề nghiệp khối giảng dạy; CV: các chức danh nghề nghiệp khối hành chính

(*): Đối với Phó Trường Khoa, Phó Viện trưởng phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học phải có trình độ tối thiểu là Tiến sĩ

Handwritten mark

PHỤ LỤC L2**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN GIẢNG DẠY và NGHIÊN CỨU**

STT	Tên Vị trí việc làm	Hạng CDNN	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)					Ghi chú
			Trình độ chuyên môn	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN	
D01	Giảng viên cao cấp	I	Tiến sĩ		Bậc 4 (B2)	Giảng viên ĐH		
D02	Giảng viên chính	II	Tiến sĩ		Bậc 4 (B2)	Giảng viên ĐH		
D03	Giảng viên	III	Thạc sĩ		Bậc 4 (B2)	Giảng viên ĐH		
D04	Trợ giảng	III	Đại học		Bậc 3 (B1)			
D05	Nghiên cứu viên chính	II	Tiến sĩ		Bậc 4 (B2)	Bồi dưỡng chức danh NCKH		
D06	Nghiên cứu viên	III	Đại học		Bậc 4 (B2)	Bồi dưỡng chức danh NCKH		

PHỤ LỤC L3

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ (viên chức khối hành chính)

STT	Tên Vị trí việc làm	Hạng CDNN	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)					Ghi chú
			Trình độ chuyên môn	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN	
E01	Chuyên viên chính (01.002)	II	Thạc sĩ		Bậc 4 (B2)	QLNN ngạch Chuyên viên chính		
E02	Chuyên viên (01.003)	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN ngạch Chuyên viên		
E03	Kỹ sư chính (V.05.02.06)	II	Thạc sĩ		Bậc 4 (B2)	Bồi dưỡng chức danh Công nghệ		
E04	Kỹ sư (V.05.02.07)	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	Bồi dưỡng chức danh Công nghệ		
E05	Kế toán trưởng (của Trường)	II	Đại học		Bậc 3 (B1)	Bồi dưỡng Kế toán trưởng, QLNN ngạch Chuyên viên chính		
E06	Kế toán viên chính (06.030)	II	Thạc sĩ		Bậc 4 (B2)	QLNN ngạch Chuyên viên chính		
E07	Kế toán viên (06.031)	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	QLNN ngạch Chuyên viên		
E08	Thư viện viên (V.10.02.06)	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	BD chuyên ngành thư viện		
E09	Văn thư viên (02.007)	III	Đại học		Bậc 3 (B1)	Bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư (nếu tốt nghiệp đại học không phải chuyên ngành văn thư lưu trữ)		
E10	Thư ký khoa	IV	Cao đẳng		Bậc 2 (A2)			
E11	Thủ quỹ	IV	Cao đẳng		Bậc 2 (A2)			

PHỤ LỤC L4

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (hợp đồng lao động)

STT	Tên Vị trí việc làm	Hạng CDNN	Điều kiện, tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng (tối thiểu)					Ghi chú
			Trình độ chuyên môn	Trình độ Lý luận CT	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Chứng chỉ QP-AN	
G01	Thư viện viên trung cấp	IV	Trung cấp		Bậc 2 (A2)			
G02	Lưu trữ viên trung cấp	IV	Trung cấp		Bậc 2 (A2)	Bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ		
G03	Nhân viên Y tế cơ quan	IV	Trung cấp		Bậc 2 (A2)			
G04	Kỹ thuật viên	IV	Trung cấp		Bậc 2 (A2)			
G05	Nhân viên điện, nước	V	Tr.cấp nghề					
G06	Nhân viên lễ tân, tạp vụ	IV	Trung cấp		Bậc 2 (A2)	Nghiệp vụ giao tiếp, phục vụ sự kiện		
G07	Nhân viên lái xe công vụ	V	Tốt nghiệp PTTH		Bậc 2 (A2)	Giấy phép lái xe hạng D hoặc E (theo vị trí việc làm)		
G08	Nhân viên bảo vệ	V	Tốt nghiệp PTTH		Bậc 1 (A1)	Nghiệp vụ bảo vệ		
G09	Nhân viên vệ sinh môi trường	V						

PHỤ LỤC II - SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Danh mục các phụ lục:

- Phụ lục II.1** SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ
- Phụ lục II.2** SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM TỔNG HỢP THEO HẠNG CHỨC DANH
NGHỀ NGHIỆP
- Phụ lục II.3** SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN GIÁNG DẠY VÀ
NGHIÊN CỨU
- Phụ lục II.4A** SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ
HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (khởi hành chính)
- Phụ lục II.4B** SỐ LƯỢNG CHI TIẾT VỊ TRÍ VIỆC LÀM KHỞI HÀNH CHÍNH

PHỤ LỤC II.1
SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ

STT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng cần có (31/12/2026)				Số lượng hiện có (3/2024)		
		Số VTVL của đơn vị	Cấp trưởng	Cấp phó	Ghi chú	Tổng số VC, NLĐ	Cấp Trưởng	Cấp Phó
I	Lãnh đạo, quản lý cấp Trường							
1	Hội đồng trường (Chủ tịch)	1	01			01	01	
2	Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng)	4	01	03		04	01	03
	Tổng số VTVL lãnh đạo quản lý cấp Trường	05	02	03		05	02	03
II	Lãnh đạo, quản lý cấp đơn vị thuộc và trực thuộc Trường							
1	Văn phòng Trường	14	01	02		13	01	01
2	Phòng Tổ chức - Nhân sự	10	01	02		07	01	01
3	Phòng Thanh tra - Pháp chế	07	01	01		06	01	01
4	Phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí	08	01	01		07	01	01
5	Phòng Đào tạo đại học	11	01	02		10	01	02
6	Phòng Đào tạo sau đại học	07	01	01		05	01	
7	Phòng Khoa học & Công nghệ	08	01	01		06	01	01
8	Phòng Hợp tác quốc tế	07	01	01		06	01	01
9	Phòng Công tác chính trị & Sinh viên	09	01	01		07	01	01
10	Phòng Kế hoạch - Tài chính	15	01	02		13	01	01
11	Phòng Công nghệ thông tin	08	01	01		06		01

STT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng cần có (31/12/2026)				Số lượng hiện có (3/2024)		
		Số VTVL của đơn vị	Cấp trưởng	Cấp phó	Ghi chú	Tổng số VC, NLĐ	Cấp Trưởng	Cấp Phó
12	Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng	07	01	01		05	01	01
13	Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	07	01	01		06	01	
14	Thư viện	15	01	01		14	01	01
15	Khoa Điện - Điện tử	24	01	01		21	01	
16	Khoa Cơ khí	27	01	01		27		02
17	Khoa Kỹ thuật giao thông	31	01	01		29	01	01
18	Khoa Xây dựng	20	01	01		17	01	
19	Khoa Công nghệ thực phẩm	44	01	02		47	01	02
20	Khoa Kinh tế	56	01	02		48	01	02
21	Khoa Du lịch	20	01	01		16	01	01
22	Khoa Kế toán - Tài chính	42	01	02		40	01	01
23	Khoa Công nghệ thông tin	41	01	01		37	01	01
24	Khoa Ngoại ngữ	36	01	01		32	01	01
25	Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	27	01	01		23	01	01
26	Viện Công nghệ sinh học và Môi trường	28	01	01		31	01	01
27	Viện Nuôi trồng thủy sản	34	01	01		38	01	01
28	Viện KH & CN Khai thác thủy sản	14	01	01		14	01	01
29	Trung tâm GD Quốc phòng & An ninh	20		02	HT kiêm nhiệm GDĐT	17		01

STT	Danh mục vị trí việc làm	Số lượng cần có (31/12/2026)				Số lượng hiện có (3/2024)		
		Số VTVL của đơn vị	Cấp trưởng	Cấp phó	Ghi chú	Tổng số VC, NLĐ	Cấp Trưởng	Cấp Phó
30	Trung tâm Thí nghiệm thực hành	23	01	01		21	01	01
31	Trung tâm Phục vụ trường học	65	01	02		62	01	01
32	Trung tâm Ngoại ngữ	01	01		Cấp Phó kiêm nhiệm	01	01	
33	Trung tâm NC&PT CN Phần mềm	01	01		Cấp Phó kiêm nhiệm	01	01	
34	Trung tâm NC Giống & Dịch Bệnh TS	01	01		Cấp Phó kiêm nhiệm			
35	Trung tâm NC và Chế biến thực phẩm	01	01		Cấp Phó kiêm nhiệm	01	01	
36	Viện NC Chế tạo tàu thủy	08	01	02		08	01	02
	Tổng số VTVL lãnh đạo quản lý cấp đơn vị	697	35	42		642	32	33

PHỤ LỤC II.2

SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM THEO HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

STT	Đơn vị	Số lượng cần có đến 31/12/2026 theo hạng chức danh nghề nghiệp						Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng) theo hạng chức danh nghề nghiệp						Ghi chú
		Tổng	I	II	III	IV	V	Tổng	I	II	III	Chỉ tiêu TD 2023	IV	
I	Lãnh đạo, quản lý cấp Trường													
1	Hội đồng trường (Chủ tịch)	01		01				01		01				
2	Ban Giám hiệu	04	04					04	03	01				
I	Lãnh đạo, quản lý cấp đơn vị thuộc và trực thuộc Trường													
1	Văn phòng Trường	14		04	06	01	03	14		01	06	01	02	04
2	Phòng Tổ chức - Nhân sự	10		03	07			09		02	05	02		
3	Phòng Thanh tra - Pháp chế	07		03	04			06		01	05			
4	Phòng Đảm bảo CL & Khảo thí	03		03	05			03		03	04	01		
5	Phòng Đào tạo đại học	11		04	07			10	01	01	08			
6	Phòng Đào tạo sau đại học	07		03	04			05	01	01	03			
7	Phòng Khoa học & Công nghệ	13		04	04			16		02	04			
8	Phòng Hợp tác quốc tế	17		03	04			16	01		05			
9	Phòng Công tác chính trị & Sinh viên	09		03	06			07			07			
10	Phòng Kế hoạch - Tài chính	15		04	10	01		15		01	11		01	
11	Phòng Công nghệ thông tin	09		01	07			06			06			

STT	Đơn vị	Số lượng cần có đến 31/12/2026 theo hạng chức danh nghề nghiệp					Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng) theo hạng chức danh nghề nghiệp						Ghi chú	
		Tổng	I	II	III	IV	V	Tổng	I	II	III	Chỉ tiêu TD 2023		IV
12	Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng	07		03	03	01		07		01	03	01	01	
13	Trung tâm Hỗ trợ VL và Khởi nghiệp	07		02	05			07		02	04	01		
14	Thư viện	15			10	05		16			07	01	06	01
15	Khoa Điện - Điện tử	24	01	09	13	01		22		04	16	01	01	
16	Khoa Cơ khí	27	04	08	14	01		39	03	05	19	02		
17	Khoa Kỹ thuật giao thông	31	04	09	17	01		34	03	05	20	05	01	
18	Khoa Xây dựng	20	02	06	11	01		21	01	01	14	04	01	
19	Khoa Công nghệ thực phẩm	44	07	13	23	01		47	07	05	34		01	
20	Khoa Kinh tế	50	06	23	26	01		54	05	07	36	06		
21	Khoa Du lịch	20	01	07	11	01		18	01		15	02		
22	Khoa Kế toán - Tài chính	42	01	15	25	01		42		07	32	02	01	
23	Khoa Công nghệ thông tin	41	02	15	23	01		41		03	34	04		
24	Khoa Ngoại ngữ	30		12	23	01		36		05	27	02		
25	Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	27	01	11	14	01		27		05	18	04		
26	Viện CN sinh học và Môi trường	26	03	07	17	01		31	03	03	24		01	
27	Viện Nuôi trồng thủy sản	34	04	10	19	01		36	02	05	31			
28	Viện KH&CN Khai thác thủy sản	14	02	03	08	01		15	01	01	11	01	01	

PHỤ LỤC II.3

SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng đến 31/12/2026				Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng)					GV kiêm nhiệm tại các BM
		Tổng số	GVCC	GVC, NCVC	GV+TG, NCV	Tổng số	GVCC	GVC	GV+TG	Chỉ tiêu TD 2023	
	Chủ tịch HĐQT và Ban Giám hiệu	05	05			05	03	02			
	Các đơn vị khối hành chính	26	06	12	08	26	04	09	13		
	Các đơn vị khối giảng dạy										
1	Khoa Điện - Điện tử	23	01	09	13	21		04	16	01	
	BM Kỹ thuật Điện	08	01	02	05	06		01	05		
	BM Điện tử - Tự động	09		04	05	09		02	06	01	
	BM Vật lý	06		03	03	06		01	05		
2	Khoa Cơ khí	26	04	08	14	25	03	05	15	02	
	BM Chế tạo máy	10	03	03	04	10	03	02	03	02	05
	BM Cơ điện tử	06	01	02	03	05			05		
	BM Kỹ thuật Nhiệt lạnh	10		03	07	10		03	07		01
3	Khoa Kỹ thuật giao thông	30	04	09	17	30	09	05	17	03	
	BM Kỹ thuật tàu thủy	08	01	03	04	08	01	02	05		01
	BM Cơ khí động lực	06		02	04	06		01	04	01	01
	BM Kỹ thuật ô tô	07	02	01	04	07	02		03	02	
	BM Khoa học hàng hải	08	01	02	05	09		02	05	02	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng đến 31/12/2026				Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng)					GV kiêm nhiệm tại các BM
		Tổng số	GVCC	GVC, NCVC	GV+TG, NCV	Tổng số	GVCC	GVC	GV+TG	Chỉ tiêu TD 2023	
4	Khoa Xây dựng	19	02	06	11	18	01	01	12	14	
	BM Công trình giao thông	08	01	03	04	08	01	01	05	01	
	BM Kỹ thuật xây dựng	11	01	03	07	10			07	03	01
5	Khoa Công nghệ thực phẩm	43	07	13	23	43	07	05	31		
	BM Công nghệ thực phẩm	12	04	04	04	12	04	02	06		
	BM Công nghệ Chế biến	12	02	04	06	12	02	02	08		06
	BM Đảm bảo chất lượng & ATTP	09	01	02	06	09	01	01	07		
	BM Kỹ thuật hoá học	10		03	07	10			10		01
6	Khoa Kinh tế	55	06	13	26	51	05	07	33	16	
	BM Quản lý kinh tế	06	01	03	02	05	01	02	02		01
	BM Thương mại	09	01	04	04	09	01	01	06	01	01
	BM Kinh tế học	12	01	05	06	12		01	10	01	
	BM Quản trị kinh doanh	18	02	07	09	16	02	02	10	02	
	BM Marketing	10	01	04	05	09	01	01	05	02	
7	Khoa Dịch vụ	19	01	07	11	17	01		14	12	
	BM Q. trị d.vụ du lịch và lữ hành	10	01	03	06	08			07	01	
	BM Q. trị khách sạn và nhà hàng	09		04	05	09	01		07	01	
8	Khoa Kế toán - Tài chính	41	01	15	25	41		07	32	02	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng đến 31/12/2026				Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng)					GV kiêm nhiệm tại các BM
		Tổng số	GVCC	GVC, NCVC	GV+TG, NCV	Tổng số	GVCC	GVC	GV+TG	Chỉ tiêu TD 2023	
	BM Kế toán	13		05	08	13		02	11		
	BM Kiểm toán	12		05	07	12		02	10		
	BM Tài chính - Ngân hàng	16	01	05	10	16		03	11	02	
9	Khoa Công nghệ thông tin	39	02	15	22	37		03	34	04	
	BM Kỹ thuật phần mềm	12	01	04	07	11		01	09	01	01
	BM Hệ thống thông tin	10	01	04	05	09		02	05	02	01
	BM Mạng & Truyền thông	06		03	03	06			06		01
	BM Toán	11		04	07	11			10	01	
10	Khoa Ngoại ngữ	35		12	23	33		15	26	02	
	BM Thực hành tiếng	20		08	12	19		02	15	02	01
	BM Biên - Phiên dịch	15		04	11	14		03	11		
11	Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	26	01	11	14	26		05	17	04	
	BM Lý luận chính trị	09		05	04	10		04	05	01	01
	BM Khoa học xã hội & Nhân Văn	05		02	03	05		01	04		
	BM Luật	12	01	04	07	11			08	03	01
12	Vện CN sinh học và môi trường	27	03	17	17	30	03	16	24		
	BM Công nghệ Sinh học	18	02	05	11	20	02	02	16		
	BM Kỹ thuật môi trường	09	01	02	06	10	01	01	08		03

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng đến 31/12/2026				Số lượng hiện có (3/2024 + tuyển dụng)					GV kiêm nhiệm tại các BM
		Tổng số	GVCC	GVC, NCVC	GV+TG, NCV	Tổng số	GVCC	GVC	GV+TG	Chỉ tiêu TD 2023	
13	Vấn Kỹ thuật trong thủy sản	32	14	10	18	34	02	05	27		
	BM Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	17	02	05	10	18	01	02	15		01
	BM Q. lý sức khỏe ĐV thủy sản	15	02	05	08	16	01	03	12		01
14	Vấn Kỹ & CN Khai thác thủy sản	12	01	02	07	12	01	01	09	01	
	BM Khai thác thủy sản	05	01	01	03	05	01		03	01	01
	BM Quản lý thủy sản	07	01	02	04	07		01	06		01
15	Vấn Quản Giáo dục Quốc phòng & An ninh	17		04	13	15		02	12	01	
	BM Giáo dục Quốc phòng	10		02	08	08			08		
	BM Giáo dục Thể chất	07		02	05	07		02	04	01	
	Tổng số vị trí việc làm	475	49	164	262	464	33	69	328	34	31

PHỤ LỤC IV.4A

SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ PHỤC VỤ (Khối hành chính)

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng tính đến 31/12/2026					Số lượng hiện có (3/2024)					Chi tiêu tuyển dụng 2023
		Tổng số	Ch.viên chính và tđ trở lên	Chuyên viên và tđương	Kỹ thuật viên và tđương	Nhân viên	Tổng số	Ch.viên chính và tđ trở lên	Chuyên viên và tđương	Kỹ thuật viên và tđương	Nhân viên	
1	Văn phòng Trường	12	04	06	01	03	15	01	06	02	04	01
2	Phòng Tổ chức - Nhân sự	11	03	07			07	02	05			02
3	Phòng Thanh tra - Pháp chế	07	03	04			06	01	05			
4	Phòng Đảm bảo CL & Khảo thí	06	03	05			07	03	04			01
5	Phòng Đào tạo đại học	11	04	07			10	02	08			
6	Phòng Đào tạo sau đại học	07	03	04			05	02	03			
7	Phòng Khoa học & Công nghệ	08	04	04			06	02	04			
8	Phòng Hợp tác quốc tế	07	03	04			06	01	05			
9	Phòng Công tác chính trị & Sinh viên	09	03	06			07		07			
10	Phòng Kế hoạch - Tài chính	15	04	10	01		13	01	11	01		
11	Phòng Công nghệ thông tin	13	01	07			06		06			
12	Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng	07	03	03	01		05	01	03	01		01
13	Trung tâm Hỗ trợ VL và Khởi nghiệp	05	02	05			06	02	04			01
14	Thư viện	15		10	05		14		07	06	01	01
15	Khoa Điện - Điện tử	11			01		01			01		
16	Khoa Cơ khí	01			01		01		01			
17	Khoa Kỹ thuật giao thông	01			01		01			01		

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng tính đến 31/12/2026					Số lượng hiện có (3/2024)					Chỉ tiêu tuyển dụng 2023
		Tổng số	Ch.viên chính và hỗ trợ lên	Chuyên viên và tương	Kỹ thuật viên và tương	Nhân viên	Tổng số	Ch.viên chính và hỗ trợ lên	Chuyên viên và tương	Kỹ thuật viên và tương	Nhân viên	
18	Khoa Xây dựng	01			01		01		01			
19	Khoa Công nghệ thực phẩm	01			01				01			
20	Khoa Kinh tế	01			01			01				
21	Khoa Du lịch	01			01			01				
22	Khoa Kế toán - Tài chính	01			01				01			
23	Khoa Công nghệ thông tin	02		01	01		02	02				
24	Khoa Ngoại ngữ	01			01		01	01				
25	Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	01			01		01	01				
26	Viện CN sinh học và Môi trường	01			01		01		01			
27	Viện Nuôi trồng thủy sản	02		01	01		02	02				
28	Viện KH & CN Khai thác thủy sản	02		01	01		02	01	01			
29	Trung tâm GD Quốc phòng & AN	05		03		02	05	01		02		
30	Trung tâm Thí nghiệm thực hành	03	02	20	01		01	12	06	02	01	
31	Trung tâm Phục vụ trường học	05	02	05	08	50	02	05	05	50		
32	Trung tâm Ngoại ngữ	01		01			01	01				
33	Trung tâm NC&PT CN Phần mềm	01		01			01	01				
34	Trung tâm NC Giống & DBTS	01		01								
35	Trung tâm NC và Chế biến TP	01		01			01	01				
36	Viện NC Chế tạo tàu thủy	03	03	05			03	08				

STT	Danh mục vị trí việc làm	Nhu cầu số lượng tính đến 31/12/2026				Số lượng hiện có (3/2024)				Chi tiêu tuyển dụng 2023		
		Tổng số	Ch.viên chính và tđ trở lên	Chuyên viên và tđương	Kỹ thuật viên và tđương	Nhân viên	Tổng số	Ch.viên chính và tđ trở lên	Chuyên viên và tđương		Kỹ thuật viên và tđương	Nhân viên
	Tổng số VITE theo hàng CI.VN	255	47	22	31	55	233	21	117	23	59	03

PHỤ LỤC II.4B

CHI TIẾT VỊ TRÍ VIỆC LÀM KHỎI HÀNH CHÍNH (tính đến 31/12/2026)

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
1	Văn phòng, Đoàn			14	
1.01	Chánh văn phòng	CV chính	II	01	
1.02	Phó Chánh văn phòng, kiêm thư ký VP Đảng ủy	CV chính	II	01	
1.03	Thư ký Văn phòng Giám hiệu	CV chính	II	01	
1.04	Thư ký Văn phòng Công đoàn	Chuyên viên	III	01	
1.05	Thư ký Văn phòng Đoàn Thanh niên	Chuyên viên	III	01	
1.06	Công tác kế hoạch, tổng hợp	CV chính	II	01	
1.07	Công tác truyền thông nội bộ	Chuyên viên	III	01	
1.08	Công tác truyền thông nội bộ	Kỹ sư	III	01	
1.09	Công tác truyền thông nội bộ	Chuyên viên	III	01	GV kiêm nhiệm
1.10	Công tác văn thư Trường	Chuyên viên	III	01	
1.11	Công tác lễ tân, tiếp khách	Cán sự	IV	01	
1.12	Lái xe công vụ	Nhân viên	V	01	Xe <9 chỗ
1.13	Lái xe công vụ	Nhân viên	V	01	Xe <=16 chỗ
1.14	Lái xe công vụ	Nhân viên	V	01	Xe > 16 chỗ
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
2	Phòng Tổ chức - Nhân sự			10	
2.01	Trưởng Phòng	CV chính	II	01	GV kiêm nhiệm
2.02	Phó Trưởng Phòng phụ trách chế độ chính sách, đào tạo bồi dưỡng	CV chính	II	01	
2.03	Phó Trưởng Phòng phụ trách công tác tuyển dụng, hợp đồng	CV chính	II	01	GV kiêm nhiệm
2.04	Công tác tổ chức, quy hoạch	CV chính	III	01	
2.05	Công tác tuyển dụng, hợp đồng	Chuyên viên	III	01	
2.06	Công tác thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	III	01	
2.07	Công tác chế độ, chính sách	Chuyên viên	III	01	
2.08	Công tác đào tạo, bồi dưỡng	Chuyên viên	III	01	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
2.09	Quản lý hồ sơ viên chức (giấy, đttr)	Chuyên viên	III	01	
2.10	Công tác phòng chống tham nhũng	Chuyên viên	III	01	
	Theo dõi thực hiện Đề án VTVL				kiêm nhiệm
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
3	Phòng Thanh tra - Pháp chế			07	
3.01	Trưởng Phòng	CV chính	II	01	
3.02	Phó Trưởng Phòng	Chuyên viên	III	01	
3.03	Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nội bộ	CV chính	II	01	
3.04	Công tác thanh tra, kiểm tra	Chuyên viên	III	01	
3.05	Công tác pháp chế	CV chính	II	01	
3.06	Công tác dân chủ cơ sở	Chuyên viên	III	01	
3.07	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Chuyên viên	III	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
4	Phòng Quản lý Chất lượng Giáo dục			08	
4.01	Trưởng Phòng	GV chính	II	01	GV kiêm nhiệm
4.02	Phó Trưởng Phòng	Giảng viên	III	01	GV kiêm nhiệm
4.03	Công tác đảm bảo chất lượng GD	Chuyên viên	III	01	
4.04	Công tác đảm bảo chất lượng GD	Chuyên viên	III	01	
4.05	Hoạt động kiểm định CL và xếp hạng	CV chính	II	01	
4.06	Hoạt động kiểm định CL và xếp hạng	Chuyên viên	III	01	
4.07	Công tác khảo thí	CV chính	II	01	
4.08	Công tác khảo thí	Chuyên viên	III	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
5	Phòng Đào tạo Chất lượng			03	
5.01	Trưởng Phòng	GV chính	II	01	GV kiêm nhiệm
5.02	Phó Trưởng Phòng phụ trách kế hoạch và tổ chức đào tạo	Chuyên viên	III	01	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
5.03	Phó Trưởng Phòng phụ trách công tác phát triển CTĐT và học liệu	Giảng viên	III	01	
5.04	Công tác kế hoạch và tổ chức đào tạo	CV chính	II	01	
5.05	Công tác kế hoạch và tổ chức đào tạo	Chuyên viên	III	02	GV kiêm nhiệm
5.06	Công tác tuyển sinh	CV chính	II	01	
5.07	Công tác tuyển sinh	Chuyên viên	III	02	GV kiêm nhiệm
5.08	Công tác phát triển và quản lý chương trình đào tạo	CV chính	II	01	
5.09	Công tác phát triển tài liệu giảng dạy	Chuyên viên	III	01	
	Tổ chức giảng dạy 2 học phần				kiêm nhiệm
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
6	Phòng Quản lý và Phát triển Học			(07)	
6.01	Trưởng phòng	GV chính	II	01	
6.02	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	III	01	
6.03	Kế hoạch, tổ chức đào tạo thạc sĩ và quản lý học viên	Chuyên viên	III	02	
6.04	Kế hoạch, tổ chức đào tạo thạc sĩ và quản lý học viên	Chuyên viên chính	II	02	
6.05	Truyền thông, quảng bá, tuyển sinh sau đại học	Chuyên viên	III	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
7	Phòng Khoa học & Công nghệ			(08)	
7.01	Trưởng Phòng	GV chính	II	01	
7.02	Phó Trưởng Phòng	GV chính	II	01	
7.03	Công tác khoa học - công nghệ	CV chính	II	01	
7.04	Công tác khoa học - công nghệ	Chuyên viên	III	01	
7.05	Công tác sở hữu trí tuệ	CV chính	II	01	
7.06	Công tác hoạt động chuyên gia CN	Chuyên viên	III	01	
7.07	Quản lý, tổ chức hội thảo khoa học	Chuyên viên	III	01	
7.08	Quản lý Tạp chí KHCN Thủy sản	Chuyên viên	III	01	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
8	Phòng Hợp tác quốc tế			07	
8.01	Trưởng Phòng	CV chính	II	01	
8.02	Phó Trưởng Phòng	CV chính	II	01	
8.03	Hoạt động hợp tác quốc tế	CV chính	II	01	
8.04	Hoạt động hợp tác quốc tế	Chuyên viên	III	01	
8.05	Công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào	Chuyên viên	III	01	
8.06	Hoạt động đào tạo, giao lưu quốc tế	Chuyên viên	III	01	
8.07	Hoạt động marketing và quảng bá	Chuyên viên	III	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
9	Phòng Công tác chính trị & Sinh viên			09	
9.01	Trưởng Phòng	CV chính	II	01	
9.02	Phó Trưởng Phòng	CV chính	II	01	
9.03	Công tác chính trị, tư tưởng	CV chính	II	01	
9.04	Công tác học vụ, tổ chức hội nghị, lễ hội, sự kiện	Chuyên viên	III	02	
9.05	Công tác hồ sơ sinh viên	Chuyên viên	III	01	
9.06	Quản lý thi đua khen thưởng SV, chế độ chính sách	Chuyên viên	III	01	
9.07	Theo dõi công tác cố vấn học tập, quản lý nhà truyền thống	Chuyên viên	III	02	
	Công tác bảo hiểm y tế SV				kiêm nhiệm
	Công tác cựu sinh viên				kiêm nhiệm
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
10	Phòng Kế hoạch - Đầu tư			05	
10.01	Trưởng Phòng	CV chính	II	01	GV kiêm nhiệm
10.02	Phó trưởng phòng phụ trách lĩnh vực Quy hoạch, kế hoạch và đầu tư	Chuyên viên chính	II	01	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
10.03	Phó Trưởng Phòng phụ trách phụ trách lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Tài sản	Chuyên viên hoặc t.đương	III	01	
10.04	Kế toán trưởng	Kế toán viên chính	II	01	
10.05	Kế toán tổng hợp	Kế toán viên chính	II	01	
10.06	Kế toán tiền lương và bảo hiểm	Kế toán viên	III	01	
10.07	Kế toán thuế	Kế toán viên	III	01	
10.08	Kế toán đề tài khoa học	Kế toán viên	III	01	
10.09	Kế toán kho bạc và ngân hàng	Kế toán viên	III	01	
10.10	Kế toán dự án	Kế toán viên	III	01	
10.11	Thủ quỹ, quản lý công nợ	Cán sự	IV	01	
10.12	Kế hoạch phát triển và đầu tư	Chuyên viên	III	01	
10.13	Quản lý dự án và đầu tư xây dựng và quản lý đấu thầu	Chuyên viên	III	01	
10.14	Quản lý tài sản công của Trường	Chuyên viên	III	02	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				
III	Chức danh Công nhân kỹ thuật			03	
11.01	Trưởng Phòng	CV chính	II	01	GV kiêm nhiệm
11.02	Phó Trưởng Phòng	CV chính	III	01	
11.03	Quản lý vận hành hệ thống mạng, máy chủ và an ninh mạng	Chuyên viên	III	01	
11.04	Quản lý vận hành thiết bị đầu cuối hệ thống mạng (wifi, camera an ninh,...)	Chuyên viên	III	01	
11.05	Quản lý và hỗ trợ CBVC khối hành chính sử dụng máy tính, máy in văn phòng	Chuyên viên	III	01	
11.06	Quản lý và hỗ trợ CBVC và sinh viên sử dụng hệ thống thông tin nhà trường	Chuyên viên	III	01	
11.07	Phát triển phần mềm sử dụng nội bộ Nhà trường	Chuyên viên	III	01	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
11.08	Quản trị cơ sở dữ liệu và tích hợp hệ thống các phần mềm trong hệ thống thông tin Nhà trường	Chuyên viên	III	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
12	Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng			07	
12.01	Giám đốc Trung tâm	CV chính	II	01	
12.02	Phó Giám đốc Trung tâm	CV chính	II	01	
12.03	Công tác liên kết và tuyển sinh	CV chính	II	01	
12.04	Công tác đào tạo	Chuyên viên	III	01	
12.05	Công tác quản lý người học	Chuyên viên	III	01	
12.06	Công tác tốt nghiệp	Chuyên viên	III	01	
12.07	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản	Cán sự	IV	01	
13	Trung tâm Hỗ trợ VTL và Kĩ năng mềm			07	
13.01	Giám đốc Trung tâm	CV chính	II	01	
13.02	Phó Giám đốc Trung tâm	CV chính	II	01	
13.03	Công tác hỗ trợ việc làm và kết nối đơn vị sử dụng lao động	Chuyên viên	III	01	
13.04	Công tác khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong sinh viên	Chuyên viên	III	01	
13.05	Công tác phục vụ cộng đồng của Nhà trường	Chuyên viên	III	02	
13.06	Tổ chức giảng dạy HP Khởi nghiệp	Giảng viên	III	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
14	Thư viện			15	
14.01	Giám đốc Thư viện	Thư viện viên	III	01	
14.02	Phó Giám đốc Thư viện	Thư viện viên hoặc chuyên viên	III	01	
14.03	Thủ thư thư viện truyền thống	Thư viện viên trung cấp	IV	04	
14.04	Xử lý và xây dựng CSDL tài liệu số	Thư viện viên hoặc chuyên viên	III	04	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
14.05	Xây dựng CSDL và xử lý tài liệu in	Thư viện viên	III	02	
14.06	Phát triển nguồn tài nguyên thư viện, quản lý CSDL thư viện, truyền thông	Thư viện viên hoạch chuyên viên	III	02	
14.08	Công tác lưu trữ của Trường	Cán sự	IV	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				kiêm nhiệm
13	Thư ký văn phòng Khoa Điện			14	
15.01	Thư ký Khoa Điện - Điện tử	Cán sự	IV	01	
15.02	Thư ký Khoa Cơ khí	Cán sự	IV	01	
15.03	Thư ký Khoa Kỹ thuật giao thông	Cán sự	IV	01	
15.04	Thư ký Khoa Xây dựng	Cán sự	IV	01	
15.05	Thư ký Khoa Công nghệ thực phẩm	Cán sự	IV	01	
15.06	Thư ký Khoa Kinh tế	Cán sự	IV	01	
15.07	Thư ký Khoa Du lịch	Cán sự	IV	01	
15.08	Thư ký Khoa Kế toán - Tài chính	Cán sự	IV	01	
15.09	Thư ký Khoa Công nghệ thông tin	Cán sự	IV	01	
15.10	Thư ký Khoa Ngoại ngữ	Cán sự	IV	01	
15.11	Thư ký Khoa KHXH và nhân văn	Cán sự	IV	01	
15.12	Thư ký Viện CNSH và Môi trường	Cán sự	IV	01	
15.13	Thư ký Viện Nuôi trồng thủy sản	Cán sự	IV	01	
15.14	Thư ký Viện KH&CN Khai thác TS	Cán sự	IV	01	
	Cán sự văn phòng Khoa Điện			03	
15.15	Quản lý Phòng máy Khoa CNTT	Chuyên viên	III	01	
15.16	Quản lý Phòng TN Viện Khai thác	Kỹ sư	III	01	
15.17	Quản lý Trại Cam Ranh, Viện NTTS	Kỹ sư	III	01	
16	Thư ký văn phòng (VP) Khoa Điện & AN			05	
15.18	Thư ký văn phòng kiêm kế toán	Kế toán viên	III	01	
15.19	Chuyên viên công tác giáo vụ	Chuyên viên	III	01	Khi Trung tâm hoàn tất quy chế hoạt động
15.20	Chuyên viên quản lý học viên	Chuyên viên	III	01	Khi Trung tâm chuyển vào Cam Lâm

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
15.21	Nhân viên bảo vệ tại Cam Lâm (2)	Nhân viên	V	02	
17	Thư viện			2	
17.01	Giám đốc Trung tâm	GV chính	II	01	
17.02	Phó Giám đốc Trung tâm	Kỹ sư	III	01	
17.03	Quản lý các phòng thí nghiệm Bệnh học thủy sản, kính hiển vi	Kỹ sư	III	01	
17.04	Quản lý các phòng thí nghiệm Phân tích kiểm nghiệm	Kỹ sư	III	01	
17.05	Quản lý các phòng thí nghiệm Kỹ thuật xây dựng	Kỹ sư	III	01	
17.06	Quản lý các phòng thí nghiệm Công nghệ thực phẩm	Kỹ sư	III	01	
17.07	Quản lý các phòng thí nghiệm Công nghệ chế biến	Kỹ sư	III	01	
17.08	Quản lý các phòng thí nghiệm Kỹ thuật nhiệt lạnh	Kỹ sư	III	01	
17.09	Quản lý các phòng thí nghiệm Công nghệ cao 2	Kỹ sư	III	01	
17.10	Quản lý các phòng thí nghiệm Điện - Điện tử	Kỹ sư	III	01	
17.11	Quản lý các phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học	Kỹ sư	III	01	
17.12	Quản lý các phòng thí nghiệm Hóa học	Kỹ sư	III	01	
17.13	Quản lý các phòng thí nghiệm Cơ khí	Kỹ sư	III	01	
17.14	Quản lý các phòng thí nghiệm Giao thông	Kỹ sư	III	01	
17.15	Tổ chức nghiên cứu	NCV chính	II	01	
17.16	Phục vụ nghiên cứu	Kỹ sư	III	02	
17.17	Bảo dưỡng thiết bị thí nghiệm	Kỹ sư	III	03	
17.18	Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí	Giảng viên	III	01	
17.19	Hướng dẫn thực hành tại Xưởng Cơ khí	Giảng viên	III	01	
17.20	Phục vụ tại Xưởng Cơ khí	Kỹ thuật viên	IV	01	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				
18	Thư viện			6	

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
18.01	Giám đốc Trung tâm	CV chính	II	01	
18.02	Phó Giám đốc phụ trách công tác ANTT, PCCC và quản lý các KTX	CV chính	II	01	
18.03	Phó Giám đốc phụ trách công tác VSMT và các hoạt động dịch vụ	Chuyên viên	III	01	
18.04	Quản lý, vận hành tài sản, thiết bị	Chuyên viên	III	03	
18.07	Quản lý các hội trường, phục vụ các hội nghị tại hội trường	Nhân viên	V	01	
18.08	Công tác y tế trường học	Y sĩ	IV	03	
18.11	Quản trị điện nước	Kỹ sư	III	01	
18.12	Quản trị điện nước	Kỹ thuật viên	IV	03	
18.14	Công tác bảo vệ ANTT	Nhân viên	V	21	
18.15	Quản lý ký túc xá	Nhân viên	V	04	
18.16	Phục vụ tại các Ký túc xá	Nhân viên	V	02	
18.17	Theo dõi đánh giá công tác vệ sinh	Cán sự	IV	01	
18.18	Quản lý các dịch vụ, hoạt động khánh tiết	Cán sự	IV	01	
18.19	Vệ sinh môi trường	Nhân viên	V	22	
	Văn thư đơn vị, quản lý tài sản				Kiểm nhiệm
19	Trung tâm Nghiên cứu				
	Giám đốc Trung tâm	Giảng viên	III		
20	Trung tâm Nghiên cứu CN và Sản phẩm				
	Giám đốc Trung tâm	Giảng viên hoặc Kỹ sư	III		
21	Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ & Dịch vụ Công nghệ Sinh học				
	Giám đốc Trung tâm	Giảng viên hoặc Nghiên cứu viên	III		
22	Trung tâm Nghiên cứu và Chế biến DR				
	Giám đốc Trung tâm	Giảng viên hoặc Nghiên cứu viên	III		

Handwritten mark

STT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp	Hạng chức danh	Số lượng	Ghi chú
23	Viện (Chức vụ chính)			03	
23.01	Giám đốc Viện	Kỹ sư chính	II	01	
23.02	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất	Kỹ sư chính	II	01	
23.03	Phó Giám đốc phụ trách kế hoạch tổng hợp	Kỹ sư chính	II	01	
23.04	Quản đốc Xưởng Đóng tàu	Kỹ sư	III	01	
23.05	Trưởng Phòng Thiết kế	Kỹ sư	III	01	
23.06	Phó Trưởng Phòng Thiết kế	Kỹ sư	III	01	
23.07	Trưởng Phòng Kiểm nghiệm sản phẩm	Kỹ sư	III	01	
23.08	Phụ trách kế toán Viện	Kế toán viên	III	01	

Ghi chú:

(*) một số vị trí lãnh đạo đơn vị trong Phụ lục này xếp hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng tại Phụ lục I.1, vì tính chất công việc có độ phức tạp cao và yêu cầu cấp độ kỹ năng cao. Nếu viên chức giữ chức vụ chưa đạt hạng chức danh nghề nghiệp tại phụ lục này thì lập kế hoạch bồi dưỡng để xét thăng hạng theo các quy định hiện hành.